

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2015

Tháng 3 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	925	933	8	12.650	101.200	
102	8	505	513	8	12.650	101.200	
103	8	611	623	12	12.650	151.800	
104	8	384	389	5	12.650	63.250	
105	Phòng trực	620	648		12.650	0	
106	8	649	664	15	12.650	189.750	
107	PSHC	649			12.650	0	
108				0	12.650	0	
109	8	434			12.650	0	
110	6	450	459	9	12.650	113.850	
111	8	570			12.650	0	
112	6	399	405	6	12.650	75.900	
113	7	388	399	11	12.650	139.150	
114	8	285	295	10	12.650	126.500	
201	8	979	1002	23	12.650	290.950	
202	8	874	875	1	12.650	12.650	
203	8	764	770	6	12.650	75.900	
204	8	694	709	15	12.650	189.750	
205	8	631	643	12	12.650	151.800	
206	8	657	665	8	12.650	101.200	
207	8	616	628	12	12.650	151.800	
208	7	652			12.650	0	
209	6	514	526	12	12.650	151.800	
210	5	439	444	5	12.650	63.250	
211	8	545	558	13	12.650	164.450	
212	8	485	493	8	12.650	101.200	
213	0	607	613	6	12.650	75.900	
214	5	612	620	8	12.650	101.200	
301	8	602	613	11	12.650	139.150	
302	7	527	536	9	12.650	113.850	
303	8	505	518	13	12.650	164.450	
304	8	525	534	9	12.650	113.850	
305	8	478	489	11	12.650	139.150	
306	8	521	535	14	12.650	177.100	
307	PSHC			0	12.650	0	
308				0	12.650	0	
309	8	478	489	11	12.650	139.150	
310	8	456	465	9	12.650	113.850	

311	7	442	453	11	12.650	139.150
312	8	535	539	4	12.650	50.600
313	6	537	549	12	12.650	151.800
314	8	486	495	9	12.650	113.850
401	4	522	525	3	12.650	37.950
402	8	389	399	10	12.650	126.500
403	8	387	397	10	12.650	126.500
404	6	341			12.650	0
405	8	314	322	8	12.650	101.200
406	8	383	397	14	12.650	177.100
407	5	439	453	14	12.650	177.100
408	8	592	614	22	12.650	278.300
409	7	348	359	11	12.650	139.150
410	7	499	512	13	12.650	164.450
411	8	383	389	6	12.650	75.900
412	8	373	379	6	12.650	75.900
413	8	415	426	11	12.650	139.150
414	6	467	472	5	12.650	63.250
501	3	255	260	5	12.650	63.250
502	8	357	364	7	12.650	88.550
503	7	466	472	6	12.650	75.900
504	5	395	401	6	12.650	75.900
505	8	402	412	10	12.650	126.500
506	0	297	304	7	12.650	88.550
507	8	417	429	12	12.650	151.800
508	7	361	371	10	12.650	126.500
509	7	336	348	12	12.650	151.800
510	6	338	343	5	12.650	63.250
511	8	185	194	9	12.650	113.850
512	1	315	317	2	12.650	25.300
513	6	264	265	1	12.650	12.650
514	5	205	214	9	12.650	113.850
Cộng	448			570		7.210.500

(Bảng chữ: Bảy triệu hai trăm mười nghìn năm trăm đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà



ThS. Lê Xuân Hưng



Trần Xuân Nam



Dương Văn Thanh



Trần Thị Hà